

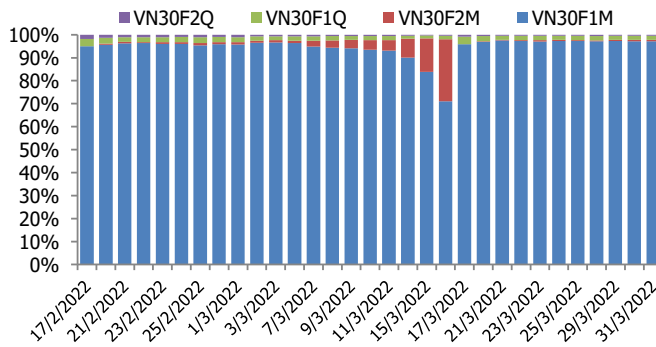
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2204	21/4/2022	21	1496.00	31,071
VN30F2205	19/5/2022	49	1494.10	198
VN30F2209	15/9/2022	168	1494.90	557
VN30F2212	15/12/2022	259	1491.00	139

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN

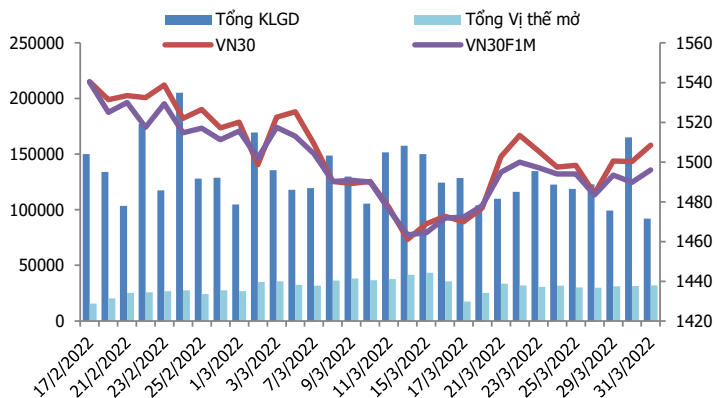


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Trên thị trường phái sinh, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +4,5 đến +6,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,30 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống -12,53 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống -14,43 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm mạnh so với phiên liền trước, đạt 92.021 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 04 với 105 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 7.043 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở bật tăng trở lại nhờ lực kéo từ nhóm cổ phiếu bluechips, đây cũng là phiên cuối quý 1 nên "khả năng" một số cổ phiếu lớn được kéo lên để tạo hiệu ứng chốt NAV. Thanh khoản thị trường giảm nhưng không phải là tín hiệu đáng ngại khi độ rộng thị trường vẫn tích cực ở nhóm Vn30. Đáng chú ý trong phiên hôm nay là nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp và thực phẩm. Bên cạnh đó, hỗ trợ đà tăng của thị trường cũng đến từ hoạt động mua ròng của khối ngoại sang phiên thứ 3 liên tiếp. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index vẫn dao động trong xu hướng đi ngang dưới ngưỡng cân tâm lý 1500 điểm.
- Trạng thái tích cực được củng cố trên khung chart 15m và 1h, tuy nhiên, vùng kháng cự 1498-1502 điểm phía trước khá cứng, do đó chiến lược chủ đạo sẽ là Mua khi điều chỉnh, tránh trạng thái mua đuổi và duy trì tỷ trọng vừa phải cho đến khi có tín hiệu bùng nổ xác nhận. Nhà đầu tư lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh về hỗ trợ sẽ là cơ hội để mở lệnh Mua. Vùng giá cân nhắc là 1489-1492 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1483 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1498-1502 điểm. Đối với vị thế trung hạn, Mua tích lũy ở vùng hỗ trợ 1488-1495 điểm. Điểm Stoploss vị thế bắt buộc là khi thủng khỏi 1480 điểm, gia tăng tỷ trọng khi VN30F1M vượt hẳn qua 1506 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

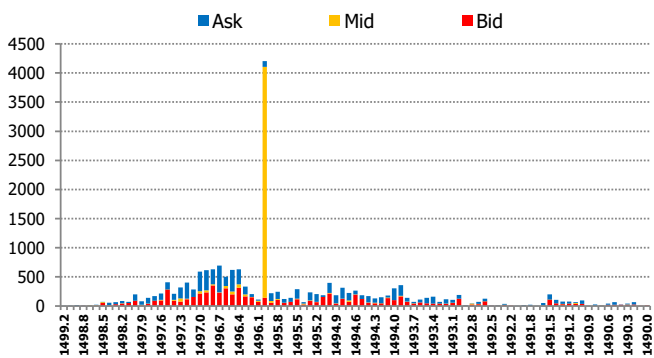
Chiến lược giao dịch trong ngày	Nhà đầu tư lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh về hỗ trợ sẽ là cơ hội để mở lệnh Mua. Vùng giá cân nhắc là 1489-1492 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1483 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1498-1502 điểm.
Chiến lược giao dịch ngắn hạn	Mua tích lũy ở vùng hỗ trợ 1488-1495 điểm. Điểm Stoploss vị thế bắt buộc là khi thủng khỏi 1480 điểm, gia tăng tỷ trọng khi VN30F1M vượt hẳn qua 1506 điểm.
Chiến lược giao dịch spread	Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2204	1496.0	0.42	91,809	-44.2	31,071	1.6
VN30F2205	1494.1	0.38	165	-58.9	198	2.6
VN30F2209	1494.9	0.46	25	-39.0	557	0.2
VN30F2212	1491.0	0.30	22	-66.2	139	-3.5
Tổng			92,021	-44.3	31,965	1.6

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Trên thị trường phái sinh, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +4,5 đến +6,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,30 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 44,25% so với phiên liền trước, đạt 92.021 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 91.809 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục mua ròng HĐTL tháng 04 với 105 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 7.043 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.509,65 điểm (cao hơn 13,65 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.511,15 điểm (+17,05 điểm), VN30F2206 là 1.512,65 điểm (+17,75 điểm) và VN30F2209 là 1.517,52 điểm (+26,52 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

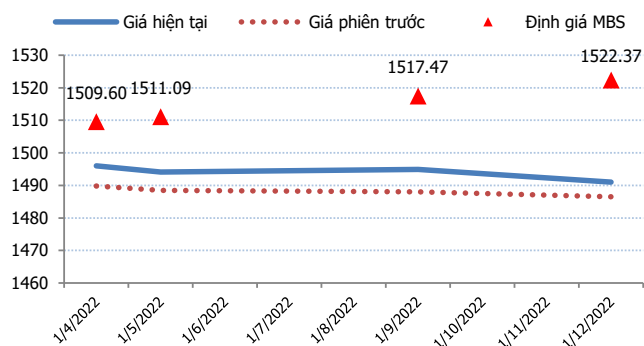
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	BUY	NEUTRAL
Hỗ trợ	1489-1492	1480-1483	1464-1468
Kháng cự	1498-1502	1510-1516	1536-1550

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1.9	-1.30	-0.6	-1.92
VN30F1Q - VN30F1M	-1.1	-1.80	0.7	-3.82
VN30F1Q - VN30F2M	0.8	-0.50	1.3	-1.9
VN30F2Q - VN30F1M	-5	-3.30	-1.7	-4.88
VN30F2Q - VN30F2M	-3.1	-2.00	-1.1	-2.96
VN30F2Q - VN30F1Q	-3.9	-1.50	-2.4	-1.06

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



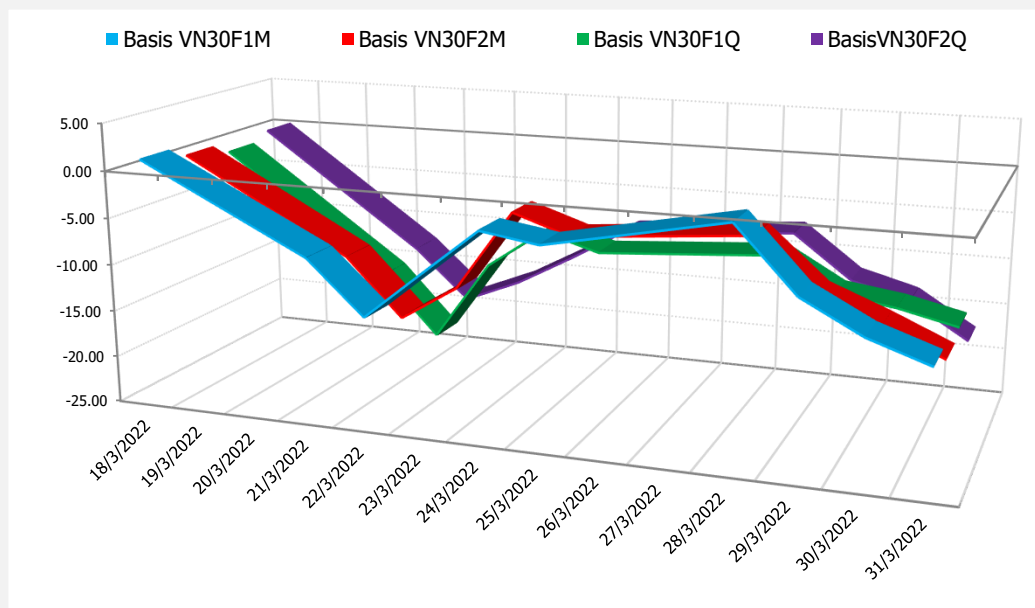
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL

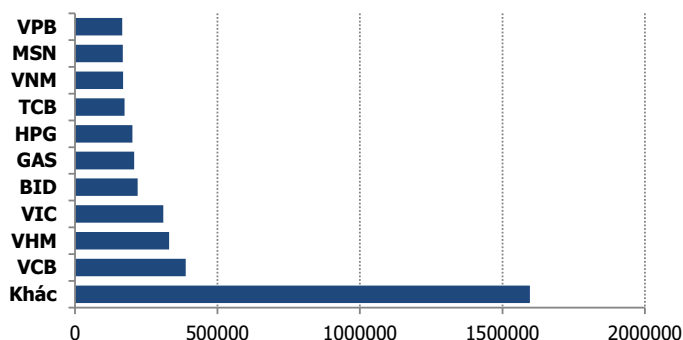
- Trên thị trường phái sinh, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ +4,5 đến +6,9 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 8,30 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng yếu đi so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống -12,53 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống -14,43 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -5 điểm đến 0,8 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) giảm đi 0,6 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

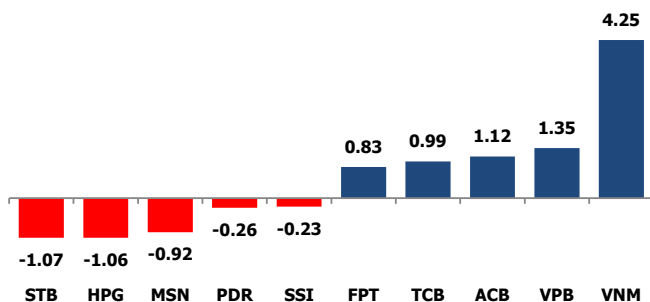


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1492.15	1508.53
Thay đổi	1.64	8.30
%Chg	0.11	0.55
YTD	-0.41	-1.77
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,907.59	3,930.00
P/E	17.30	14.06
P/B	2.63	2.69

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục nhẹ. Số mã tăng điểm (19) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (9) và 2 mã đứng tham chiếu. VNM và VPB trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +4,25 điểm và +1,35 điểm; ngoài ra ACB, TCB hay FPT cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 8,3 điểm (+0,55%) lên 1.508,53 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 130,9 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 6.453 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 3 liên tiếp với 379,23 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VNM (+217 tỷ đồng), DGC (+183 tỷ đồng), VRE (+44 tỷ đồng), DCM (+42 tỷ đồng), DXG (+19 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIIndex	1,492.15	0.11	17.30	(0.41)
Dow Jones	34,678.35	(1.56)	18.30	(4.57)
S&P500	4,530.41	(1.57)	23.30	(4.95)
Nikkei 225	27,646.39	(0.63)	15.69	(3.98)
Shanghai	3,234.67	(0.54)	13.73	(11.13)
DAX	14,414.75	(1.31)	14.77	(9.25)
Vàng	1,938.51	0.06		5.98
Dầu WTI	100.25	(0.03)		33.29

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 28/03/2022			
Thứ Ba - 29/03/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 2)	1.8%	1.0%	1.8%
Mỹ - Niềm tin tiêu dùng của CB (Tháng 3)	105.7	107.0	107.2
Mỹ - Cơ hội việc làm của JOLTs (Tháng 2)	11.283M	11.000M	11.266M
Thứ Tư - 30/03/2022			
Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 3)	486K	450K	455K
Mỹ - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4)	2.3%	7.1%	6.9%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	-2.508M	-1.022M	-3.449M
Thứ Năm - 31/03/2022			
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 3)	50.2	49.9	49.5
Anh - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4)	0.9%	1.0%	1.3%
Anh - Tổng GDP (năm/năm) (Quý 4)	6.9%	6.5%	6.6%
Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 3)	-32K	-20K	-18K
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	188K	197K	202K
Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 1)	0.1%	0.2%	0.2%
Nhật Bản - Chỉ số các nhà sản xuất lớn Tankan (Quý 1)	17	12	14
Nhật Bản - Chỉ số các nhà phi sản xuất lớn Tankan (Quý 1)	10	5	9
Thứ Sáu - 01/04/2022			
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 3)	50.4		
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 3)	58.4	57.6	
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 3)	55.5	55.5	
Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3)	5.9%	6.6%	
Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 3)	678K	490K	
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 3)	3.8%	3.7%	
Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 3)	58.6	59.0	

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ giảm phiên thứ 2 liên tiếp khi nhà đầu tư kết thúc quý đầu tiên đầy khó khăn trên Phố Wall. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones rớt 550,46 điểm (-1,56%) xuống 34.678,35 điểm. Chỉ số S&P 500 mất 1,57% còn 4.530,41 điểm, và chỉ số Nasdaq Composite lùi 1,54% xuống 14.220,52 điểm. Mức giảm sâu hơn trong giờ giao dịch cuối cùng, và chứng khoán đã khép phiên ở mức đáy. Ngày thứ Năm đánh dấu phiên giao dịch cuối cùng của tháng 3 và quý đầu tiên, điều này có thể góp phần vào đà giảm điểm vào cuối phiên khi các nhà quản lý tiền tệ chuyên nghiệp điều chỉnh danh mục đầu tư của họ vào cuối kỳ.
- Giá dầu giảm mạnh khi Nhà Trắng thông báo sẽ giải phóng 1 triệu thùng dầu/ngày trong 6 tháng tới từ kho Dự trữ Dầu Chiến lược (SPR) – trong một nỗ lực làm dịu đà tăng giá dầu và khí đốt. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent mất 4,88% còn 107,91 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 6,99% xuống 100,28 USD/thùng.
- Vàng ghi nhận quý tăng mạnh nhất kể từ khi đại dịch Covid bùng phát vào giữa năm 2020 do lo ngại về giá tiêu dùng tăng vọt và cuộc khủng hoảng Ukraine đã củng cố sức hấp dẫn trú ẩn an toàn của vàng. Khép phiên, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0,4% lên 1.941,11 USD/oz. Trong tháng 3, hợp đồng này đã tăng gần 1,8%. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0,3% lên 1.945,40 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VNM, VPB và ACB là những nhân tố chính đưa chỉ số VN30 quay trở lại đà tăng điểm. Trong đó, VNM đóng góp +4,25 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.30	37,200	1.09	1.90%	340.144	1.35	14.05	2.11
TCB	Banks	8.11	49,550	0.81	0.81%	259.44	0.99	9.98	1.99
HPG	Metals & Mining	7.96	45,100	-0.88	2.57%	856.021	-1.06	6.29	2.23
VIC	Real Estate Management & Development	6.07	81,200	0.12	1.60%	111.943	0.11	65.07	3.04
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.92	107,000	0.94	5.74%	374.571	0.83	22.33	5.41
VHM	Real Estate Management & Development	5.55	75,800	0.00	1.20%	256.215	0.00	8.53	2.89
ACB	Banks	5.44	33,050	1.38	1.84%	182.037	1.12	9.30	1.99
MBB	Banks	4.91	32,950	0.92	1.38%	421.956	0.67	9.80	2.09
VNM	Food Products	4.85	80,900	6.17	6.58%	761.706	4.25	17.91	5.11
MWG	Specialty Retail	4.84	145,800	0.97	4.21%	261.876	0.70	21.02	5.10
MSN	Food Products	4.82	142,200	-1.25	1.69%	84.017	-0.92	19.59	5.12
STB	Banks	4.07	31,700	-1.71	2.37%	288.398	-1.07	16.95	1.79
NVL	Real Estate Management & Development	3.88	80,100	0.13	1.38%	210.935	0.07	41.92	4.41
VCB	Banks	3.07	82,100	0.12	0.73%	40.442	0.06	18.39	3.55
HDB	Banks	2.84	28,350	0.18	1.95%	72.778	0.08	10.08	2.05
TPB	Banks	2.73	40,150	0.38	1.75%	98.487	0.15	12.15	2.44
VJC	Airlines	2.73	140,500	0.00	1.29%	84.046	0.00	61.88	4.50
SSI	Capital Markets	2.09	42,000	-0.71	1.90%	179.54	-0.23	19.34	3.05
VRE	Real Estate Management & Development	1.70	33,450	2.92	3.21%	189.016	0.73	57.82	2.48
CTG	Banks	1.68	32,450	1.25	1.56%	155.34	0.31	9.41	1.64
KDH	Real Estate Management & Development	1.58	52,800	0.38	1.33%	42.175	0.09	29.64	3.33
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.53	110,500	2.03	2.97%	69.367	0.46	24.42	4.18
PDR	Capital Markets	1.27	89,500	-1.32	2.61%	238.269	-0.26	23.99	6.25
SAB	Food Products	0.80	159,000	0.70	1.02%	31.153	0.08	27.81	4.80
GAS	Gas Utilities	0.74	108,300	-1.63	3.42%	40.809	-0.19	24.72	4.06
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.67	15,850	-0.63	1.89%	111.176	-0.06	20.65	1.30
BID	Banks	0.63	43,500	-0.11	1.27%	62.943	-0.01	22.34	2.66
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.50	55,200	0.36	2.21%	106.471	0.03	20.83	2.86
GVR	Real Estate Management & Development	0.39	34,000	0.44	2.07%	40.165	0.03	27.32	2.77
BVH	Beverages	0.33	61,500	-0.32	1.46%	71.168	-0.02	24.87	2.14

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn